UNIT 9:

SOURCES OF ENERGY

A CLOSER LOOK 1

- limited	(adj) : có giới hạn
- unlimited	(adj) : ko giới hạn
- harmful	(adj) : có hại
- exhaustible	(adj) : có thể cạn kiệt
- available	(adj) : sẵn có, có giá trị
- abundant	(adj) : nhiều, phong phú
- advantage	(n) : thuận lợi
- disadvantage	(n) : bất lợi
- enormous	(adj) : to lớn, khổng lồ
- plentiful	(adj) : dồi dào,phong phú
- pollute	(v) : gây ô nhiễm
- polluted	(adj) : ô nhiễm
- pollution	(n) : sự ô nhiễm
- convenient	(adj) : tiện lợi, thuận lợi

LIVEWORKSHEETS